

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **219/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 15 - 11 - 2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Phương

2. Bà Ma Thị Như Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04/10/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Trương Văn B, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Đặng Thị T, anh Trương Văn B vắng mặt và đều có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, Bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Văn B kết hôn với nhau vào năm 2013, trước khi kết hôn chúng tôi được tự tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 04/11/2013. Sau ngày cưới vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình bố mẹ chồng tại thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh B không tu chí làm ăn mà thường xuyên đi uống rượu sau đó về gây sự đánh đập chị. Chị đã

nhiều lần khuyên nhủ và đề nghị gia đình nhà chồng khuyên giải anh B để vợ chồng chung sống cùng nhau nuôi dạy con cái, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng gia đình nhà chồng không những không khuyên giải anh B mà còn khuyến khích anh B lấy thêm vợ và bạo hành vợ con. Đã nhiều lần anh B đánh đập, bạo hành khiến chị phải đi bệnh viện điều trị và chính quyền phải can thiệp nhưng anh B vẫn không thay đổi khiến cho mâu thuẫn vợ chồng đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tướng Văn B để giải thoát cho chị khỏi cảnh bạo lực gia đình.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Tướng Thị U, sinh ngày 17/11/2011; cháu Tướng Văn C, sinh ngày 10/12/2013 và cháu Tướng Văn X, sinh ngày 23/01/2016. Khi ly hôn chị nhất trí giao cả 03 con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, trường hợp anh B từ chối nuôi các con thì chị xin được trực tiếp nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình bố mẹ chồng, chưa tạo lập được tài sản gì chung do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Tướng Văn B không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt chị T xác định do bận công việc làm ăn, đồng thời hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, việc đi lại khó khăn nên chị không thể đến Tòa án làm việc được. Ngoài ra khi làm đơn khởi kiện ly hôn chị cũng đã nộp đầy đủ các chứng cứ, tài liệu để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do đó chị đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh Tướng Văn B theo quy định của pháp luật. Chị đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa.

** Tại Bản tự khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Tướng Văn B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị T kết hôn với nhau vào năm 2013, trước khi kết hôn chúng tôi được tự tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 04/11/2013. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh tại thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, chị T không chăm lo cho các con dẫn đến việc vợ chồng xảy ra xung đột, anh đã đánh chị Tám phải đi bệnh viện điều trị, sau đó chị T bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng nhất trí ly hôn với chị T để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Tường Thị U, sinh ngày 17/11/2011; cháu Tường Văn C, sinh ngày 10/12/2013 và cháu Tường Văn X, sinh ngày 23/01/2016. Kể từ khi chị T bỏ đi thì các con vẫn sống cùng anh nên khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của anh, chưa tạo lập được tài sản gì chung do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị T không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Tường Văn B vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh B xác định do anh đang đi làm ăn xa, đồng thời hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, việc đi lại khó khăn và hạn chế nên anh không thể đến Tòa án làm việc được. Trước khi chị T nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh tại Tòa án, anh cũng đã được chị T thông báo cho biết các tài liệu, chứng cứ chị T đã nộp cho Tòa án để giải quyết việc ly hôn của hai vợ chồng. Bản thân anh không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án và cũng nhất trí ly hôn với chị T. Do đó anh B đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh và chị T theo quy định của pháp luật. Anh đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa. Anh giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn chị Đặng Thị T, bị đơn anh Tường Văn B thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn và bị đơn đều có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án thực hiện thủ tục xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; các Điều 39, 147, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Tướng Văn B.

+ Về con chung: Giao cả 03 con chung là cháu Tướng Thị U, sinh ngày 17/11/2011; cháu Tướng Văn C, sinh ngày 10/12/2013 và cháu Tướng Văn X, sinh ngày 23/01/2016 cho anh Tướng Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đặng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Đặng Thị T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn). Bị đơn anh Tướng Văn B không phải nộp án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Đặng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tướng Văn B, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Tướng Văn B có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị T và bị đơn anh Tướng Văn B đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Tướng Văn B kết hôn với nhau từ năm 2013, trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc hay lừa dối phải kết hôn, được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 04/11/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh Bảy tại Thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng

ban đầu hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2021 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã đánh chửi nhau, xảy ra bạo lực gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn dẫn đến việc chị Tấm bỏ về sống cùng gia đình bố mẹ đẻ, ngoài ra cả chị T và anh B cũng đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Trương Văn B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị Đặng Thị T, anh Trương Văn B có 03 con chung là cháu Trương Thị U, sinh ngày 17/11/2011; cháu Trương Văn C, sinh ngày 10/12/2013 và cháu Trương Văn X, sinh ngày 23/01/2016. Kể từ khi chị T bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ thì các con chung vẫn chung sống cùng anh B. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị T cũng đề nghị giao cả 03 con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Trong Bản tự khai và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt anh B đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng đối với các con. Cháu Trương Thị U và cháu Trương Văn C cũng có nguyện vọng được sống cùng anh B. Do đó HĐXX giao cả ba con chung là cháu Trương Thị U, cháu Trương Văn C và cháu Trương Văn X cho anh Trương Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đặng Thị T không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Đặng Thị T và anh Trương Văn B cùng xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh B, chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vay nợ chung: Chị Đặng Thị T và anh Trương Văn B cùng xác định quá trình chung sống không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Đặng Thị T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn). Bị đơn anh Trương Văn B không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Tướng Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Tướng Thị U, sinh ngày 17/11/2011; cháu Tướng Văn C, sinh ngày 10/12/2013 và cháu Tướng Văn X, sinh ngày 23/01/2016 cho anh Tướng Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đặng Thị T không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đặng Thị T (do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Đặng Thị T và bị đơn anh Tướng Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã H (Giấy chứng nhận kết hôn số 102, ngày 04/11/2013);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.
- Lưu TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lương Hữu San